

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/DS-ST

Ngày: 06/8/2018

V/v: “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương— Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên

Vào ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2018/TLST-DS ngày 18/01/2018 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1955; nơi cư trú: 98/22 TK, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trương Văn T - Luật sư văn phòng luật sư Trương Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* 1- Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1977; nơi cư trú: 98/20 TK, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2 – Chị **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1976; nơi cư trú: 98/20 TK, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Chị P ủy quyền cho anh V tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề có liên quan (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn bà M trình bày:

Bà M là chủ sử dụng đất và chủ sở hữu căn nhà số 98/20 đường TK, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.. Trước đây bà có cho vợ chồng anh V và chị P ở nhưng anh V và chị P thường xuyên gây nợ, nhiều lần mượn tiền bà để thanh toán cho giang hồ bà phải gồng gánh chi trả các khoản nợ cho vợ chồng anh V trong số tiền bà dành dụm để phòng khi tuổi cao sức yếu. Nay bà có nhu cầu bán nhà trả nợ và lo cho con của anh V đang học tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vợ chồng anh V không trả mà còn ngang ngược, ăn nói hỗn láo với bà. Trước Tòa bà yêu cầu vợ chồng anh V phải di dời đi chỗ khác để trả lại nhà và đất trên cho bà. Bà đồng ý cho vợ chồng V được lưu cư trong thời gian 03 tháng và tự nguyện hỗ trợ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

**Bị đơn anh V trình bày:*

Ông V thừa nhận căn nhà số 98/20 đường TK, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre là của mẹ ông (bà Huỳnh Thị M), ông đã ở căn nhà này trên 10 năm. Ông không đồng ý trả căn nhà trên cho bà M và không đồng ý nhận tiền hỗ trợ của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 158, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc anh V, chị P trả lại cho bà M căn nhà *số 98/20 TK có diện tích 39m², tọa lạc trên phần đất có diện tích 55,4m² thuộc thửa số 439, tờ bản đồ số 5 phường A thành phố BT*. Ghi nhận việc bà M cho anh V, chị P được quyền lưu cư trong thời hạn 03 tháng và tự nguyện hỗ trợ cho anh V, chị P số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/01/2018 bà Huỳnh Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Kim P trả lại căn nhà 98/20 tọa lạc trên phần đất có diện tích 55,4m² thuộc thửa đất số 439 tờ bản đồ số 5 phường A thành phố BT. Anh V, chị P hiện đang cư trú tại phường A thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Bến Tre theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo như bà M trình bày thì vào năm 2000 bà có cho anh V chị P vào ở trong căn nhà số 98/20 TK, phường A, thành phố BT do bà đứng tên chủ quyền, hiện nay bà có nhu cầu lấy lại căn nhà trên để bán nhưng anh V chị P không đồng ý trả lại văn nhà cho bà nên bà yêu cầu anh V chị P phải trả lại cho bà căn nhà trên. Từ đó có đủ cơ sở kết luận quan hệ tranh trên là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” được quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 06/6/2018 thì phần tài sản tranh chấp gồm: Căn nhà số 98/20 có diện tích 39m², có kết cấu như sau: nền gạch men, khung bê tông cốt thép, mái tole thiếc, không trần, vách tường (có 01 bên không vách), nhà cao hơn 06m; Hàng rào xây gạch, cửa khung sắt, rào lưới B40, tọa lạc trên phần đất có diện tích 55,4m² thuộc thửa số 439, tờ bản đồ số 5 phường A thành phố BT.

Tại tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn cho rằng: Căn nhà số 98/20 TK có diện tích 39m², tọa lạc trên phần đất có diện tích 55,4m² thuộc thửa số 439, tờ bản đồ số 5 phường A thành phố BT thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà M, bà M đã cho vợ chồng anh V ở nhưng nay bà M có yêu cầu lấy lại căn nhà trên nên bà yêu cầu vợ chồng anh V phải trả lại cho bà. Bị đơn anh V cũng thừa nhận căn nhà trên là của bà Huỳnh Thị M (mẹ ruột của anh). Trước đây cha mẹ anh hứa cho anh căn nhà này, khi hứa cho chỉ hứa miệng chứ không có làm giấy tờ gì. Bên cạnh đó hiện nay vợ chồng anh cũng không có chỗ ở nào khác. Do đó anh không đồng ý trả căn nhà cho bà M.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà M có đơn yêu cầu anh V chị P phải di dời đi nơi khác để trả lại căn nhà trên cho bà, bà đồng ý cho anh V chị P được lưu cư trong thời gian 03 tháng. Anh V cũng thừa nhận căn nhà trên là của mẹ anh nhưng anh không đồng ý trả vì hiện nay anh và chị P không còn chỗ ở nào khác. Tại Tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tài sản tranh chấp là của nguyên đơn do đó nguyên đơn có đầy đủ tư cách để định đoạt đối với phần tài sản thuộc quyền sử hữu của mình. Tại Tòa bà M cương quyết đòi lại phần tài sản của bà đã cho anh V chị P ở do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà M buộc anh V chị P phải trả lại cho bà M phần nhà đất nêu trên đồng thời cũng phải xem xét đến hoàn cảnh hiện tại của anh V, chị P để cho anh chị được quyền lưu cư thêm một thời gian để tìm chỗ ổn định cuộc sống.

[5] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 158,166 của Bộ luật dân sự năm 2015; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc anh V chị P phải trả lại cho bà M căn nhà số 98/20 nằm trên phần đất có diện tích 55,4m² tọa lạc tại phường A thành phố BT cũng như ghi nhận việc bà M

cho anh chị được lưu cư trong thời gian 03 tháng và tự nguyện hỗ trợ cho anh chị số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 475.000đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) bà M tự nguyện chịu.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch anh V chị P phải chịu là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 158, 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M; cụ thể tuyên:

Buộc Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Kim P phải di dời tài sản để trả lại cho bà Huỳnh Thị M căn nhà số 98/20 TK có diện tích 39m², tọa lạc trên phần đất có diện tích 55,4m² thuộc thửa số 439, tờ bản đồ số 5 phường A thành phố BT (Có trích lục bản đồ địa chính kèm theo).

Ghi nhận việc bà M đồng ý cho anh V chị P được quyền lưu cư trong thời hạn 03 (ba) tháng cũng như việc bà tự nguyện hỗ trợ cho anh V chị P số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) **anh V chị P** phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Huỳnh Thị M số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0014134 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre .

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (2b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong